

CÔNG TY CỔ PHẦN VNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 5/2024/CBTT-VNG

Hà Nội, ngày 10 tháng 5 năm 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Công Ty Cổ Phần VNG thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính riêng ("BCTC") năm 2023 đã được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức:

- Mã chứng khoán: VNZ
- Địa chỉ: Z06 Đường Số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: (028) 3962388 Fax:
- Email:..... Website: <https://vng.com.vn/>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC năm 2023:
BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán):
 Có Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC riêng năm 2023 được kiểm toán):

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

Có

Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

Có

Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 10/5/2024 tại đường dẫn: <https://vng.com.vn/news/shareholders/cbtt-bao-cao-tai-chinh-nam-2023.html>

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán
- Văn bản giải trình số 0466/2024/CV-VNG

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC
NGƯỜI ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN**

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TRẦN VĂN KHÁNH GIANG

Công ty Cổ phần VNG

Báo cáo tài chính riêng

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty Cổ phần VNG

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 - 5
Bảng cân đối kế toán riêng	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng	11 - 58

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") lần đầu số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần VNG

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Võ Sỹ Nhân	Chủ tịch	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Lê Hồng Minh	Chủ tịch	miễn nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
	Thành viên	bổ nhiệm ngày 1 tháng 1 năm 2023
Ông Vương Quang Khải	Thành viên	
Bà Christina Gaw	Thành viên	
Ông Edphawin Jetjirawat	Thành viên	
Ông Nguyễn Lê Quốc Anh	Thành viên	miễn nhiệm ngày 22 tháng 3 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Trưởng ban
Bà Trương Thị Thanh	Thành viên
Bà Nguyễn Vũ Ngọc Hân	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Hồng Minh	Tổng Giám đốc
Ông Vương Quang Khải	Đồng sáng lập, Phó Tổng Giám đốc Thường trực Cấp cao
Ông Nguyễn Lê Thành	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc Digital Business
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNGGames
Ông Tan Wei Ming	Phó Tổng Giám đốc Tài chính

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Lê Hồng Minh.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần VNG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính riêng cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính riêng; và
- ▶ lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính riêng của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính riêng kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Công ty có các công ty con như được trình bày trong báo cáo tài chính riêng. Công ty lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

Số tham chiếu: 11537012/66784404-VAS-R

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần VNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") được lập ngày 10 tháng 5 năm 2024 và được trình bày từ trang 6 đến trang 58, bao gồm bảng cân đối kế toán riêng vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng, và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính riêng kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng và tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc đến Thuyết minh số 3.1 của báo cáo tài chính riêng, trình bày việc trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã thay đổi chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến. Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố, vì Công ty không thể xác định được ảnh hưởng cụ thể của từng kỳ hoặc ảnh hưởng lũy kế của sự thay đổi đến cuối năm trước do các giới hạn trước đây trong hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Hàng Nhật Quang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 1772-2023-004-1

Thái Trọng Cang
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN Kiểm toán
Số: 4139-2022-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		2.688.214.344.290	2.052.540.840.876
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	1.732.371.924.390	925.574.551.452
111	1. Tiền		569.571.924.390	555.344.551.452
112	2. Các khoản tương đương tiền		1.162.800.000.000	370.230.000.000
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		55.000.000.000	15.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	55.000.000.000	15.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		795.022.086.802	946.949.453.943
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6.1	275.238.195.877	436.083.973.826
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6.2	9.119.362.857	290.459.571.517
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	512.659.672.657	222.329.333.562
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6.1	(1.995.144.589)	(1.923.424.962)
140	IV. Hàng tồn kho		10.626.098.562	11.206.694.211
141	1. Hàng tồn kho	8	11.450.851.884	12.081.510.816
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	8	(824.753.322)	(874.816.605)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		95.194.234.536	153.810.141.270
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	9	79.658.652.840	138.272.714.858
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	16	1.159.025	-
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	16	15.534.422.671	15.537.426.412
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		3.200.588.484.025	2.988.717.847.194
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.610.992.507	4.541.990.487
216	1. Phải thu dài hạn khác	7	1.610.992.507	4.541.990.487
220	II. Tài sản cố định		669.315.020.501	761.493.116.822
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	558.281.779.132	621.098.099.292
222	Nguyên giá		914.575.960.004	924.371.995.524
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(356.294.180.872)	(303.273.896.232)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	111.033.241.369	140.395.017.530
228	Nguyên giá		753.528.934.517	715.846.513.068
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(642.495.693.148)	(575.451.495.538)
240	III. Tài sản dở dang dài hạn		17.617.137.146	24.932.298.056
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	17.617.137.146	24.932.298.056
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn	13	2.385.673.390.856	2.030.967.486.836
251	1. Đầu tư vào công ty con	13.1	4.838.648.044.366	3.546.068.040.866
252	2. Đầu tư vào công ty liên kết	13.2	1.195.550.935.009	1.297.602.462.685
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	13.3	(3.649.525.588.519)	(2.812.703.016.715)
255	4. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	13.4	1.000.000.000	-
260	V. Tài sản dài hạn khác		126.371.943.015	166.782.954.993
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	9	126.371.943.015	166.782.954.993
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		5.888.802.828.315	5.041.258.688.070

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		3.520.345.993.874	2.331.460.443.478
310	I. Nợ ngắn hạn		3.432.929.841.793	2.317.503.358.611
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	568.517.870.360	1.497.446.627.573
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	15	30.289.132.286	93.758.829.258
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	38.077.999.797	49.079.187.003
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn	17	945.423.731.948	533.771.173.616
318	5. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	18	1.086.949.025.152	14.874.652.397
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	19	45.191.376.040	128.572.888.764
320	7. Vay ngắn hạn	20	718.480.706.210	-
330	II. Nợ dài hạn		87.416.152.081	13.957.084.867
336	1. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	18	66.951.008.607	-
337	2. Phải trả dài hạn khác	19	558.379.674	499.355.674
342	3. Dự phòng phải trả dài hạn	21	19.906.763.800	13.457.729.193
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	22	2.368.456.834.441	2.709.798.244.592
410	I. Vốn chủ sở hữu		2.368.456.834.441	2.709.798.244.592
411	1. Vốn cổ phần		287.360.000.000	358.442.620.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		287.360.000.000	358.442.620.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(60.038.260.807)	1.133.299.050.771
415	3. Cổ phiếu quỹ		-	(1.264.419.931.578)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		2.141.135.095.248	2.482.476.505.399
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		2.482.476.505.399	2.628.117.477.641
421b	- Lỗ năm nay		(341.341.410.151)	(145.640.972.242)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		5.888.802.828.315	5.041.258.688.070

Hoàng Thị Huệ
Người lập

Lê Trung Tín
Kế toán trưởng

Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc


Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

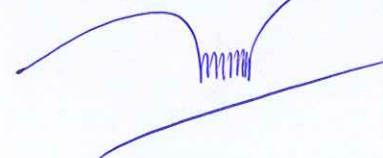
Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.243.006.241.620	4.896.691.711.763
10	2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	23.1	4.243.006.241.620	4.896.691.711.763
11	3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	24	(3.253.562.957.351)	(2.798.609.094.097)
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		989.443.284.269	2.098.082.617.666
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	23.2	1.512.757.759.161	1.311.289.367.965
22 23	6. Chi phí tài chính <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	25	(864.339.145.841) (24.134.970.891)	(1.287.658.913.962) -
25	7. Chi phí bán hàng	26	(935.803.583.052)	(1.189.121.479.858)
26	8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(1.029.199.314.586)	(1.060.308.437.600)
30	9. Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh		(327.141.000.049)	(127.716.845.789)
31	10. Thu nhập khác	27	2.998.696.987	3.825.834.826
32	11. Chi phí khác	27	(17.196.103.348)	(12.052.910.255)
40	12. Lỗ khác	27	(14.197.406.361)	(8.227.075.429)
50	13. Tổng lỗ kế toán trước thuế		(341.338.406.410)	(135.943.921.218)
51	14. Chi phí thuế TNDN hiện hành	29.1	(3.003.741)	-
52	15. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	29.3	-	(9.697.051.024)
60	16. Lỗ sau thuế TNDN		(341.341.410.151)	(145.640.972.242)


Hoàng Thị Huệ
Người lập


Lê Trung Tín
Kế toán trưởng




Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Tổng lỗ kế toán trước thuế		(341.338.406.410)	(135.943.921.218)
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn	10, 11	143.729.471.389	155.895.440.826
03	Các khoản dự phòng		844.601.223.125	1.271.935.962.629
04	Lỗ (lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		1.300.300.015	(3.382.986.880)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(1.489.536.371.848)	(1.283.866.487.669)
06	Chi phí lãi vay	25	24.134.970.891	-
08	(Lỗ) lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(817.108.812.838)	4.638.007.688
09	Giảm các khoản phải thu		157.641.370.643	569.572.111.862
10	Giảm hàng tồn kho		630.658.932	37.984.105
11	Tăng các khoản phải trả		449.288.658.028	651.677.021.597
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		99.025.073.996	(29.985.392.753)
14	Tiền lãi vay đã trả		(23.441.084.476)	-
20	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động kinh doanh		(133.964.135.715)	1.195.939.732.499
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(55.281.847.621)	(211.268.626.121)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		410.477.369	1.571.913.638
23	Tiền chi thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		(41.000.000.000)	-
24	Tiền thu thuần gửi kỳ hạn ngân hàng		-	315.847.980.822
25	Tiền chi đầu tư vào công ty con và công ty liên kết		(1.304.430.110.062)	(2.289.977.129.735)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào công ty liên kết		113.901.634.238	-
27	Tiền lãi và cổ tức đã nhận		1.493.746.622.808	1.307.513.060.491
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		207.346.776.732	(876.312.800.905)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền nhận đặt cọc mua cổ phần		14.940.170.000	9.983.350.000
32	Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu		-	(18.595.220.000)
33	Tiền thu từ đi vay	20	1.214.939.631.925	-
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	20	(496.458.925.715)	-
40	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động tài chính		733.420.876.210	(8.611.870.000)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền và các khoản tương đương tiền thuần trong năm		806.803.517.227	311.015.061.594
60	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		925.574.551.452	614.735.282.090
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(6.144.289)	(175.792.232)
70	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	4	1.732.371.924.390	925.574.551.452



Hoàng Thị Huệ
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 10 tháng 5 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần VNG ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 4103002645 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp vào ngày 9 tháng 9 năm 2004 và các lần đăng ký thay đổi sau đó.

Hoạt động chính được đăng ký theo các GCNĐKKD của Công ty bao gồm:

- ▶ nghiên cứu và phát triển phần mềm, sản xuất phần mềm, tư vấn và cung cấp phần mềm;
- ▶ điều hành và phân phối các trò chơi trực tuyến;
- ▶ quảng cáo trực tuyến;
- ▶ thương mại điện tử;
- ▶ sản xuất linh kiện, máy vi tính, thiết bị ngoại vi, thiết bị viễn thông;
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng: dịch vụ truy cập dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xử lý dữ liệu và thông tin trên mạng, dịch vụ xây dựng, lưu trữ và khai thác cơ sở dữ liệu; và
- ▶ dịch vụ giá trị gia tăng trên mạng viễn thông và internet: các dịch vụ thông tin qua điện thoại, dịch vụ viễn thông khác không có hạ tầng mạng, tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính.

Vào ngày 28 tháng 12 năm 2022, cổ phiếu phổ thông của Công ty đã được phê duyệt để giao dịch trên sàn UPCOM của Việt Nam, là một thị trường giao dịch chứng khoán của các công ty chưa niêm yết theo Quyết định số 874/QĐ-SGDHN do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận. Ngày giao dịch đầu tiên là ngày 5 tháng 1 năm 2023.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại Số Z06, Đường 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.587 người (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.147 người).

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp, hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp, bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết về tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết cả trực tiếp và gián tiếp được trình bày như bảng bên dưới.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty biểu quyết của (%)		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
		Tỷ lệ quyền (%)	Công ty (%)			
I.	Công ty con trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần Dịch vụ - Dữ liệu Công nghệ Thông tin Vi Na ("VinaData")	99,989	99,989	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ EPI ("EPI")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông	Đang hoạt động
3.	Công ty TNHH VNG Online ("VNG Online")	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại	Đang hoạt động
4.	Công ty Cổ phần Dịch vụ mạng Vi Na ("Vinanet")	99,50	99,50	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông	Đang hoạt động
5.	Công ty TNHH Phát triển Phần mềm VNG ("VNGS")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
6.	Công ty TNHH Zie ("Zie") ¹	100,00	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
7.	Công ty Cổ phần Zion ("Zion")	72,654	72,654	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán	Đang hoạt động
8.	Công ty TNHH ZingPlay Việt Nam ("ZPS")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
9.	Công ty Cổ phần A4B ("A4B")	69,80	69,80	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm	Đang hoạt động
10.	Quý Kiến tạo ước mơ ("DMF")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quý xã hội, tổ chức phi lợi nhuận	Đang hoạt động

¹ Tiền thân là Công ty TNHH Long Đình

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
I. Công ty con trực tiếp (tiếp theo)						
11.	Công ty TNHH Verichains ("Verichains")	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
12.	Công ty Cổ phần Phát triển Phần mềm VTH ("VTH") ² (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp, cho thuê văn phòng	Trước hoạt động
II. Công ty con gián tiếp						
1.	Công ty TNHH Truyền thông Minh Phương Thịnh ("MPT")	100,00	100,00	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
2.	Công ty Cổ phần VNG Data Center ("VNG DC") ³	99,989	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Đang hoạt động
3.	VNG Singapore Pte. Ltd. ("VNG Singapore")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính; cung cấp dịch vụ liên quan đến phần mềm và hậu mãi	Đang hoạt động
4.	VNG Myanmar Company Limited ("VNG Myanmar")	99,989	100,00	Thành phố Yangon, Myanmar	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Đang hoạt động
5.	MLT Hong Kong Limited ("MLT HK") (*)	100,00	100,00	Hong Kong	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
6.	VNG Games Co., Ltd ("VNG Games")	99,989	100,00	Thành phố Bangkok, Thái Lan	Phát triển và cập nhật trò chơi trực tuyến và trò chơi trên điện thoại	Đang hoạt động

² Tiền thân là công ty TNHH Phát triển Phần mềm VTH

³ Tiền thân là công ty TNHH VNG Data Center

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
7.	Công ty Cổ phần XFM ("XFM")	99,98	99,98	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
8.	ZingPlay International Pte. Ltd. ("ZPI")	99,989	100,00	Singapore	Phát triển và phân phối phần mềm, thiết bị và linh kiện máy tính	Đang hoạt động
9.	Công ty TNHH Thương mại Dịch Vụ Truyền Thông Thanh Sơn ("Thanh Sơn")	72,654	100,00	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh thẻ trò chơi và thẻ viễn thông	Đang hoạt động
10.	Công ty Cổ phần Adtima ("Adtima")	99,999	99,999	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
11.	Công ty Cổ phần Fiza ("Fiza")	99,997	99,998	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	Đang hoạt động
12.	Công ty TNHH VNG Solutions ("VNG Solutions")	99,50	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Đang hoạt động
13.	Công ty Cổ phần Mixus ("Mixus")	99,934	99,934	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Hoạt động ghi âm và xuất bản âm nhạc	Đang hoạt động
14.	KMZ Interactive Entertainment (Shenzhen) Co., Ltd ("KMZ") (*)	99,989	100,00	Trung Quốc	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
15.	Verichains SG Pte. Ltd ("Verichains SG")	100,00	100,00	Singapore	Phát triển phần mềm và ứng dụng, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác	Đang hoạt động
16.	InstantiaPay Holdings Pte. Ltd. ("Instpay Holco") (*) (i)	47,730	66,67	Singapore	Hoạt động đầu tư	Trước hoạt động

(i) Công ty giữ 50% tỷ lệ quyền sở hữu trực tiếp ở Instpay Holco theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của công ty này. Tỷ lệ quyền biểu quyết 66,67% được tính bao gồm cả tỷ lệ quyền biểu quyết gián tiếp của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có mười hai (12) công ty con trực tiếp và hai mươi lăm (25) công ty con gián tiếp với chi tiết như sau (tiếp theo):

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính	Tình trạng
II. Công ty con gián tiếp (tiếp theo)						
17.	InstantiaPay SG Pte. Ltd. ("Instpay SG") (*)	47,730	100,00	Singapore	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
18.	InstantiaPay Pty Ltd ("Instpay AU") (*)	47,730	100,00	Úc	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
19.	InstantiaPay Limited (United Kingdom) ("Instpay UK") (*)	47,730	100,00	Vương Quốc Anh	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
20.	InstantiaPay Limited (Hongkong) ("Instpay HK") (*)	47,730	100,00	Hong Kong	Dịch vụ tài chính (trừ bảo hiểm và trợ cấp hưu trí)	Trước hoạt động
21.	Công ty TNHH InstantiaPay Việt Nam ("Instpay VN") (*)	100,00	100,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại	Trước hoạt động
22.	VNG Investment Pte. Ltd. ("VNG Investment") (*)	100,00	100,00	Singapore	Phát triển và kinh doanh phần mềm, thiết bị và phụ tùng máy tính và các dịch vụ liên quan đến phần mềm	Trước hoạt động
23.	YoPlatform FZE ("YoPlatform") (*)	100,00	100,00	Dubai, các Tiểu vương quốc Ả Rập Thống Nhất	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến	Trước hoạt động
24.	Công ty Cổ phần Greennode ("Greennode Việt Nam") (*)	98,989	99,00	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin	Trước hoạt động
25.	Greennode Pte. Ltd. ("Greennode SG") (*)	99,989	100,00	Singapore	Cung cấp dịch vụ lưu trữ dữ liệu	Trước hoạt động

(*) Các công ty này đang ở giai đoạn trước hoạt động, nghĩa là đang trong giai đoạn đầu tư và chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có bốn (4) công ty liên kết trực tiếp và năm (5) công ty liên kết gián tiếp với chi tiết như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ lợi ích của Công ty (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty (%)	Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
III. Công ty liên kết trực tiếp					
1.	Công ty Cổ phần DayOne ("Day One")	27,27	27,27	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử
2.	Công ty Cổ phần Công nghệ Ecotruck ("Ecotruck")	25,29	25,29	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
3.	Nhóm công ty Funding Asia Group Pte. Ltd ("Funding Asia")	3,80	4,88	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh vận hành và quản lý nền tảng tài chính số
4.	Telio Pte. Ltd ("Telio")	16,55	16,55	Singapore	Công ty đầu tư
IV. Công ty liên kết gián tiếp					
1.	Tiki Global Pte. Ltd ("Tiki Global")	14,61	14,61	Singapore	Công ty đầu tư
2.	Beijing Youtu Interactive Co., Ltd ("Beijing Youtu")	14,00	14,00	Thành phố Beijing, Trung Quốc	Phân phối bản quyền trò chơi điện tử
3.	Rocketeer Holding Limited ("Rocketeer")	11,25	11,25	Đảo Cayman	Công ty đầu tư
4.	Open Commerce Group Inc. ("OCG")	12,17	12,17	Singapore	Thương mại điện tử
5.	Cloudverse Pte. Ltd ("Cloudverse")	30,00	30,00	Singapore	Dịch vụ tư vấn công nghệ thông tin và lưu trữ dữ liệu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh số 1 và Thuyết minh số 13.1. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại các văn bản này, Công ty cũng đã lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đề ngày 10 tháng 5 năm 2024.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng nên đọc báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất nói trên để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn.

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục, nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Nhật ký chung.

2.4 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Công ty sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Công ty trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Như được trình bày trên báo cáo tài chính riêng, Công ty phát sinh khoản lỗ thuần sau thuế với giá trị là 341.341.410.151 VND cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Công ty.

Công ty đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo kể từ ngày lập báo cáo tài chính riêng này, bao gồm việc xem xét đến yếu tố tăng trưởng doanh thu và tối ưu hóa hiệu quả hoạt động để cải thiện dòng tiền từ hoạt động kinh doanh. Công ty tin tưởng rằng, dựa trên kế hoạch dòng tiền dự phóng, Công ty có thể đảm bảo đủ nguồn tiền và các khoản tương đương tiền để đáp ứng các nhu cầu hoạt động kinh doanh thông thường trong vòng 12 tháng tới. Theo đó, báo cáo tài chính riêng kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, ngoại trừ việc thay đổi trong chính sách kế toán liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến.

Cho đến năm 2022, doanh thu trò chơi trực tuyến được ghi nhận khi thẻ và/hoặc mã số thẻ trò chơi trực tuyến hoặc tin nhắn được bán cho người sử dụng theo hướng dẫn tại Công văn số 7932/BTC-CĐKT ngày 27 tháng 6 năm 2006 của Bộ Tài chính cho phép Công ty áp dụng chính sách kế toán này do tính chất đặc thù của hoạt động kinh doanh trò chơi trực tuyến và hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi của Công ty. Bắt đầu từ năm 2023, Công ty chuyển sang ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến khi nghĩa vụ thực hiện với người chơi được hoàn thành. Công ty thực hiện thay đổi nói trên phù hợp với sự phát triển trong hệ thống thông tin hiện đã cho phép Công ty có thể theo dõi dữ liệu người chơi của các trò chơi trực tuyến.

Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố, vì Công ty không thể xác định được ảnh hưởng cụ thể của từng kỳ hoặc ảnh hưởng lũy kế của sự thay đổi đến cuối năm trước do các giới hạn trước đây trong hệ thống theo dõi dữ liệu người chơi. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa cuối kỳ với giá trị được xác định bằng chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với công cụ, dụng cụ, hàng khuyến mãi, thẻ trò chơi trả trước và hàng hóa thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

3.5 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước bao gồm số dư chưa phân bổ hết của khoản tiền thuê đất đã trả theo các hợp đồng thuê đất ký với Khu Chế Xuất Tân Thuận Đông số 258/TTC-NV.13 vào ngày 31 tháng 12 năm 2013 trong thời hạn 28 năm và số 078/TTC-NV.16 vào ngày 27 tháng 4 năm 2016 trong thời hạn 25 năm. Theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013, hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, khoản tiền thuê đất trả trước nói trên được ghi nhận như chi phí trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí dự án hay chi phí theo thời gian còn lại của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	21 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	3 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Tài sản khác	2 - 5 năm

Trường hợp các phần của một tài sản cố định hữu hình có thời hạn hữu dụng khác nhau, chi phí của phần đó được phân bổ hợp lý giữa các phần và được trích khấu hao riêng.

3.7 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Phần mềm

Phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian ngắn hơn giữa thời gian sử dụng hữu ích ước tính và thời gian mua phần mềm.

Chi phí nghiên cứu và triển khai

Toàn bộ chi phí nghiên cứu được ghi nhận vào chi phí phát sinh trong năm. Chi phí triển khai cho từng dự án chỉ được ghi nhận là tài sản cố định vô hình nếu Công ty đồng thời thỏa mãn được các điều kiện sau:

- ▶ Tính khả thi về mặt kỹ thuật đảm bảo cho việc hoàn thành và đưa tài sản cố định vô hình vào sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty dự định hoàn thành tài sản cố định vô hình để sử dụng hoặc để bán;
- ▶ Công ty có khả năng sử dụng hoặc bán tài sản cố định vô hình đó;
- ▶ Tài sản cố định vô hình đó phải tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai;
- ▶ Công ty có đầy đủ các nguồn lực để hoàn tất các giai đoạn triển khai, bán hoặc sử dụng tài sản cố định vô hình đó; và
- ▶ Có khả năng xác định một cách chắc chắn toàn bộ chi phí trong giai đoạn triển khai để tạo ra tài sản cố định vô hình đó.

Chi phí triển khai đã được vốn hóa được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Hao mòn chi phí triển khai được bắt đầu khi quá trình phát triển đã được hoàn thành và tài sản cố định vô hình đã sẵn sàng để sử dụng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định vô hình (tiếp theo)

Chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ

Công ty ghi nhận tất cả chi phí phát triển phần mềm trên trang mạng và phần mềm sử dụng nội bộ phát sinh liên quan đến giai đoạn hoạch định và chi phí phát sinh liên quan đến việc sửa chữa hoặc bảo trì các trang mạng (website) và phần mềm hiện hành vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển đáp ứng các tiêu chuẩn vốn hóa chi phí phát triển được vốn hóa và phân bổ trong thời gian sử dụng ước tính.

3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc bao gồm:

Trò chơi và phần mềm dở dang

Trò chơi và phần mềm dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc phát triển trò chơi và phần mềm dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản dở dang

Tài sản dở dang thể hiện chi phí đã phát sinh liên quan đến việc mua sắm tài sản và xây dựng dở dang chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Chi phí này bao gồm chi phí xây dựng, lắp đặt thiết bị và các chi phí phát sinh trực tiếp khác cho đến khi tài sản được hoàn thành và đưa vào sử dụng.

Công ty không trích khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang cho đến khi tài sản sẵn sàng để đưa vào sử dụng.

3.9 Thuê tài sản

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi năm tài chính cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng tính đến ngày lập bảng cân đối kế toán riêng theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 46 của Bộ luật Lao động.

3.12 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.13 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Công ty.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt trong kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông thường niên và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.16 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.17 Nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu

Ban Tổng Giám đốc đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo cáo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này tại Thuyết minh số 32 của báo cáo tài chính riêng, do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

3.18 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu trò chơi trực tuyến

Công ty phân phối các trò chơi trực tuyến, bao gồm các trò chơi mà Công ty tự phát triển và các trò chơi được cấp phép bởi các nhà phát triển trò chơi, thông qua máy tính cá nhân (PC), ứng dụng trên thiết bị di động hoặc trình duyệt web và các cửa hàng ứng dụng điện tử cho phép người chơi được chơi miễn phí hoặc có trả phí. Trong các trò chơi này, người chơi có thể mua tiền ảo để nhận hàng hóa ảo hoặc có thể mua hàng hóa ảo trực tiếp ("vật phẩm ảo") để nâng cao trải nghiệm cho người chơi. Công ty ghi nhận doanh thu chưa thực hiện khi nhận được tiền từ việc người chơi mua trực tiếp tiền ảo hoặc vật phẩm ảo, hoặc khi người chơi sử dụng thẻ nạp tiền để mua tiền ảo hoặc vật phẩm ảo.

Theo các thỏa thuận cấp phép với các nhà phát triển trò chơi trực tuyến, trong trường hợp Công ty chịu trách nhiệm kiểm soát, vận hành và bảo trì trò chơi, bao gồm việc duy trì đội ngũ vận hành và bảo mật, môi trường thử nghiệm và dịch vụ khách hàng, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở gộp. Phí bản quyền trả cho nhà phát triển trò chơi (dựa trên tỷ lệ chia sẻ doanh thu) được ghi nhận vào giá vốn khi phát sinh. Trong trường hợp ngược lại, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở thuần, tức là, sau khi trừ đi phí bản quyền.

Đối với trò chơi trực tuyến, nghĩa vụ thực hiện của Công ty được xác định khi Công ty tạo ra trò chơi và cung cấp các dịch vụ liên quan đến trò chơi diễn ra xuyên suốt cho người chơi. Khi đó, doanh thu được ghi nhận khi nghĩa vụ thực hiện được hoàn tất. Với mục đích xác định thời hạn thực hiện nghĩa vụ, Công ty đã xem xét đến một số yếu tố bao gồm: tính chất của từng trò chơi, tính chất của vật phẩm ảo được bán, cách bán vật phẩm ảo và tầm quan trọng của chúng đối với người chơi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Doanh thu trò chơi trực tuyến (tiếp theo)

Hàng quý, Công ty ước tính thời gian chơi trung bình của người chơi cho mỗi trò chơi trực tuyến dựa trên "tỷ lệ rời bỏ" bằng cách sử dụng nhiều điểm dữ liệu trong ba tháng của quý. Để tính toán tỷ lệ rời bỏ, Công ty xác định số lượng người chơi thực hiện thanh toán vào tháng đầu tiên của mỗi quý và theo dõi hành vi của người chơi để xác định tỷ lệ rời bỏ tiếp theo của những người chơi, tức là, số lượng người chơi không đăng nhập vào trò chơi trong hai tháng tiếp theo của quý. Công ty xác định rằng một người chơi sẽ "rời bỏ" nếu thanh toán vào tháng đầu tiên của quý nhưng không quay lại chơi trò chơi trong những tháng còn lại của quý đó. Đối với vài trò chơi trực tuyến riêng biệt, hoặc khi một trò chơi mới được ra mắt và chỉ có một khoảng thời gian giới hạn về dữ liệu người chơi trả tiền, Công ty sẽ xem xét các yếu tố khác để ước tính thời gian chơi của người chơi, chẳng hạn như thời gian chơi ước tính của người chơi các trò chơi khác có đặc điểm tương tự.

Mặc dù Công ty tin rằng các ước tính của mình là hợp lý dựa trên thông tin về người chơi trò chơi trực tuyến có sẵn tại mỗi thời điểm, nhưng thời gian chơi trung bình ước tính có thể được điều chỉnh nếu đặc điểm của người chơi trò chơi thay đổi. Việc điều chỉnh doanh thu phát sinh từ việc thay đổi ước tính về thời gian chơi trung bình trong một quý nhất định sẽ được hạch toán tương ứng như một thay đổi trong ước tính kế toán. Sự thay đổi như vậy là kết quả của thông tin mới về mô hình hành vi của người chơi trò chơi trực tuyến

Công ty cung cấp nhiều phương thức để người dùng thanh toán các vật phẩm ảo trong trò chơi, bao gồm nền tảng ZaloPay, chuyển khoản ngân hàng, thẻ tín dụng, thanh toán thông qua điện thoại di động, thẻ trả trước do chính Công ty bán thông qua các đại lý và các cổng thanh toán trực tuyến khác.

Đối với doanh thu nhận được thông qua nền tảng điện thoại di động, giá giao dịch là tổng số tiền mà Công ty tính cho người chơi vì Công ty là chủ thể trong giao dịch này. Công ty kiểm soát dịch vụ cung cấp trò chơi trực tuyến cho người chơi và có thỏa thuận hợp đồng trực tiếp với người chơi trả tiền. Phí nền tảng và phí xử lý thanh toán được ghi nhận là giá vốn.

Đối với doanh thu nhận được thông qua các kênh phân phối khác (ví dụ như thông qua đại lý, công ty viễn thông và nền tảng trực tuyến), Công ty cũng là chủ thể trong các giao dịch này. Công ty ghi nhận doanh thu theo số tiền nhận được từ nhà phân phối. Các nhà phân phối này có thể chọn thay đổi mức giá mà Công ty yêu cầu bằng cách đưa ra chiết khấu hoặc các ưu đãi khác cho người chơi. Công ty không nhận được thông tin từ các nhà phân phối này về số tiền giảm giá, hoặc ưu đãi, hoặc số tiền thực tế mà người chơi thanh toán.

Công ty ghi nhận chi phí cho các kênh thanh toán là chi phí phát sinh gia tăng, nhất quán với cách ghi nhận doanh thu tương ứng. Đối với những trò chơi trực tuyến, trong đó các yếu tố cho thấy trải nghiệm chơi trò chơi và môi trường ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn là vật phẩm ảo được bán, thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận theo thời gian chơi trung bình ước tính của người chơi. Đối với những trò chơi trong đó các yếu tố cho thấy vật phẩm ảo đóng vai trò quan trọng đối với người chơi hơn trải nghiệm chơi trò chơi thì chi phí cho các kênh thanh toán này được ghi nhận trên cơ sở nhất quán với doanh thu liên quan.

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến

Doanh thu dịch vụ quảng cáo trực tuyến bao gồm doanh thu từ việc quảng cáo trên trang chủ của Công ty, trên trang chủ của các trò chơi trực tuyến dưới hình thức băng rôn, các địa chỉ kết nối và biểu tượng, v.v và được ghi nhận dựa trên thời gian thực tế mà các quảng cáo này xuất hiện trên trang mạng tương ứng.

Thương mại điện tử và dịch vụ giá trị gia tăng

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)

Thương mại điện tử và dịch vụ giá trị gia tăng (tiếp theo)

Khi cung cấp dịch vụ theo chương trình dành cho khách hàng truyền thống thỏa mãn đồng thời các điều kiện quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC, doanh thu được ghi nhận trên cơ sở tổng số tiền thu được trừ đi phần doanh thu chưa thực hiện là giá trị hợp lý của hàng hóa, dịch vụ cung cấp miễn phí hoặc số tiền chiết khấu, giảm giá cho khách hàng. Doanh thu đối với hàng hóa, dịch vụ phải cung cấp miễn phí đó sẽ được ghi nhận khi đã thực hiện nghĩa vụ với khách hàng hoặc khách hàng không đạt đủ điều kiện theo quy định và không được hưởng dịch vụ miễn phí.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.19 Giá vốn dịch vụ cung cấp

Giá vốn dịch vụ cung cấp chủ yếu bao gồm chi phí mua phần mềm ban đầu, phí phần mềm theo doanh thu, chi phí triển khai và điều hành trò chơi, các chi phí liên quan đến trung tâm dữ liệu và các chi phí chung trực tiếp khác liên quan đến việc cung cấp dịch vụ.

3.20 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và công ty liên kết, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận tính thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm trong tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	246.056.841	281.604.271
Tiền gửi ngân hàng (*)	569.325.867.549	555.062.947.181
Các khoản tương đương tiền (**)	<u>1.162.800.000.000</u>	<u>370.230.000.000</u>
TỔNG CỘNG	<u>1.732.371.924.390</u>	<u>925.574.551.452</u>

(*) Một phần tiền gửi ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 đang được dùng để thế chấp cho khoản vay ngân hàng của một bên liên quan.

(**) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng và được hưởng lãi suất dao động từ 0,20% đến 3,75%/năm.

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn còn lại dưới một (1) năm và được hưởng lãi suất dao động từ 5,1% đến 8,5%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng	78.217.750.864	109.494.083.536
Apple INC.	42.802.102.715	8.472.441.000
Google INC.	13.517.198.240	6.633.421.210
Tổng Công ty Viễn thông Viettel - Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội	784.959.514	26.805.059.786
Trung tâm Dịch vụ Số Mobifone - Chi nhánh Tổng Công ty Viễn thông Mobifone	71.797.464	23.094.966.158
Phải thu khách hàng khác	21.041.692.931	44.488.195.382
Phải thu bên liên quan (Thuyết minh số 30)	197.020.445.013	326.589.890.290
TỔNG CỘNG	275.238.195.877	436.083.973.826
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(1.995.144.589)	(1.923.424.962)
GIÁ TRỊ THUẦN	273.243.051.288	434.160.548.864

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước cho người bán	8.773.356.657	2.067.329.949
Tạp chí Điện tử Tri thức Trực tuyến	4.000.000.000	-
Công ty TNHH Luật Toàn Lê & Attorneys	1.000.000.000	-
Công ty TNHH Ô tô Vĩnh Cửu	1.291.398.000	-
Trả trước cho người bán khác	2.481.958.657	2.067.329.949
Trả trước cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)	346.006.200	288.392.241.568
TỔNG CỘNG	9.119.362.857	290.459.571.517

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	512.659.672.657	222.329.333.562
Tạm ứng góp vốn vào công ty con	492.639.098.400	-
Chi hộ	9.015.209.598	100.886.867.200
Tạm ứng cho nhân viên	3.334.431.982	116.521.485.793
Đặt cọc cho các hoạt động kinh doanh	3.787.077.980	1.082.618.000
Tiền lãi phải thu	3.198.306.851	341.973.425
Khác	685.547.846	3.496.389.144
Đặt cọc dài hạn cho các hoạt động kinh doanh	1.610.992.507	4.541.990.487
TỔNG CỘNG	514.270.665.164	226.871.324.049
<i>Trong đó:</i>		
Phải thu khác bên khác	14.598.387.147	127.514.456.849
Phải thu khác bên liên quan (Thuyết minh số 30)	499.672.278.017	99.356.867.200

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

8. HÀNG TỒN KHO

	VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công cụ, dụng cụ	7.444.666.767	-	8.715.465.129	-
Hàng khuyến mãi	4.006.185.117	(824.753.322)	3.366.045.687	(874.816.605)
TỔNG CỘNG	<u>11.450.851.884</u>	<u>(824.753.322)</u>	<u>12.081.510.816</u>	<u>(874.816.605)</u>

Chi tiết tình hình tăng (giảm) dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	874.816.605	1.384.184.253
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(50.063.283)</u>	<u>(509.367.648)</u>
Số cuối năm	<u>824.753.322</u>	<u>874.816.605</u>

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	79.658.652.840	138.272.714.858
Chi phí kênh phân phối	34.513.869.469	-
Chi phí dịch vụ trả trước	25.393.334.819	93.562.812.893
Phí bản quyền phần mềm	12.479.946.797	36.932.475.338
Phí bản quyền âm nhạc	6.154.762.369	6.764.090.568
Khác	1.116.739.386	1.013.336.059
Dài hạn	126.371.943.015	166.782.954.993
Tiền thuê đất trả trước (*)	77.307.186.948	81.923.107.647
Công cụ, dụng cụ	18.793.010.189	35.928.034.740
Phí bản quyền âm nhạc	16.350.800.351	26.290.485.742
Chi phí sửa chữa văn phòng	9.836.593.822	20.151.684.618
Chi phí kênh phân phối	1.435.415.969	-
Khác	<u>2.648.935.736</u>	<u>2.489.642.246</u>
TỔNG CỘNG	<u>206.030.595.855</u>	<u>305.055.669.851</u>

(*) Công ty sử dụng tiền thuê đất trả trước để đảm bảo cho khoản vay của Công ty tại ngân hàng (Thuyết minh số 20).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	Thiết bị văn phòng	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	657.061.467.139	35.744.804.806	38.839.595.567	141.138.922.725	51.587.205.287	924.371.995.524
Mua trong năm	-	-	-	2.004.690.079	265.000.000	2.269.690.079
Thanh lý	-	-	-	(5.542.816.473)	(520.218.183)	(6.063.034.656)
Xóa sổ	-	(4.595.440.436)	-	(551.727.842)	(855.522.665)	(6.002.690.943)
Số cuối năm	657.061.467.139	31.149.364.370	38.839.595.567	137.049.068.489	50.476.464.439	914.575.960.004

Trong đó:

Đã khấu hao hết

Giá trị khấu hao lũy kế

Số đầu năm	(101.752.375.924)	(35.744.804.806)	(20.619.075.565)	(94.263.391.667)	(50.894.248.270)	(303.273.896.232)
Khấu hao trong năm	(31.288.641.292)	-	(9.606.637.632)	(23.705.923.485)	(360.810.335)	(64.962.012.744)
Thanh lý	-	-	-	5.418.818.978	520.218.183	5.939.037.161
Xóa sổ	-	4.595.440.436	-	551.727.842	855.522.665	6.002.690.943
Số cuối năm	(133.041.017.216)	(31.149.364.370)	(30.225.713.197)	(111.998.768.332)	(49.879.317.757)	(356.294.180.872)

Giá trị còn lại

Số đầu năm	555.309.091.215	-	18.220.520.002	46.875.531.058	692.957.017	621.098.099.292
Số cuối năm	524.020.449.923	-	8.613.882.370	25.050.300.157	597.146.682	558.281.779.132

Trong đó:

Tài sản thế chấp
(Thuyết minh số 20)

524.020.449.923	-	-	-	-	-	524.020.449.923
-----------------	---	---	---	---	---	-----------------

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

			VND
	Phần mềm	Khác	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	711.509.391.204	4.337.121.864	715.846.513.068
Mua trong năm	40.049.831.779	-	40.049.831.779
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	23.178.500.000	-	23.178.500.000
Xóa sổ	(25.545.910.330)	-	(25.545.910.330)
Số cuối năm	749.191.812.653	4.337.121.864	753.528.934.517
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	521.289.386.874	4.337.121.864	525.626.508.738
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(571.898.373.673)	(3.553.121.865)	(575.451.495.538)
Hao mòn trong năm	(77.983.458.646)	(783.999.999)	(78.767.458.645)
Xóa sổ	19.480.256.012	-	19.480.256.012
Khác	(7.756.994.977)	-	(7.756.994.977)
Số cuối năm	(638.158.571.284)	(4.337.121.864)	(642.495.693.148)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	139.611.017.531	783.999.999	140.395.017.530
Số cuối năm	111.033.241.369	-	111.033.241.369

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phần mềm trò chơi đang hoàn thiện	17.138.740.000	23.178.500.000
Dự án Campus	478.397.146	1.753.798.056
TỔNG CỘNG	17.617.137.146	24.932.298.056

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư vào công ty con (Thuyết minh số 13.1)	4.838.648.044.366	3.546.068.040.866
Đầu tư vào công ty liên kết (Thuyết minh số 13.2)	1.195.550.935.009	1.297.602.462.685
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 13.4)	1.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	6.035.198.979.375	4.843.670.503.551
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh số 13.3)	(3.649.525.588.519)	(2.812.703.016.715)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.385.673.390.856	2.030.967.486.836

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Zion (i)	72,654	3.364.556.980.550	69,98	2.962.756.977.050	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ trung gian thanh toán
VinaData (ii)	99,989	898.100.000.000	99,94	187.100.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ về công nghệ thông tin
VTH (iii)	100,00	179.980.000.000	100,00	200.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đầu tư xây dựng, kinh Doanh hạ tầng khu công nghiệp; Cho thuê văn phòng
Vinanet	99,50	124.073.818.913	99,50	124.073.818.913	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Dịch vụ giá trị gia tăng trên di động và mạng viễn thông
Verichains	100,00	114.502.400.000	100,00	114.502.400.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
VNGS	100,00	60.000.000.000	100,00	60.000.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất và phát triển phần mềm các loại
EPI	100,00	51.433.844.903	100,00	51.433.844.903	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Dịch vụ quảng cáo trực tuyến, thiết kế trang mạng, phần mềm và các công nghệ truyền thông
Zie	100,00	20.000.000.000	100,00	20.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến
A4B	69,80	15.001.000.000	69,80	15.001.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Lập trình máy vi tính, sản xuất phần mềm
ZPS	100,00	10.000.000.000	100,00	10.000.000.000	Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	Vận hành và phân phối trò chơi trực tuyến

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.1 Đầu tư vào công ty con (tiếp theo)

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
VNG Online	100,00	1.000.000.000	100,00	1.000.000.000	Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cung cấp dịch vụ công thông tin và sản xuất phần mềm các loại
DMF	100,00	-	100,00	-	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Quỹ xã hội, tổ chức phi lợi nhuận
TỔNG CỘNG		4.838.648.044.366		3.546.068.040.866		
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn vào công ty con		(3.297.652.422.621)		(2.667.774.952.268)		
GIÁ TRỊ THUẬN		1.540.995.621.745		878.293.088.598		

(i) Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào Zion để tăng tỷ lệ sở hữu tại Zion từ 69,98% lên 72,654%.

(ii) Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp thêm vốn vào VNĐT để tăng tỷ lệ sở hữu tại VNĐT từ 99,94% lên 99,989%.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty sử dụng 40.000.000 cổ phần sở hữu trong VNĐT để đảm bảo cho khoản vay tại ngân hàng (Thuyết minh số 20).

(iii) Vào ngày 21 tháng 6 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc góp đủ vốn điều lệ vào VTH với giá trị là 179.800.000.000 VND để tăng vốn góp tại VTH từ 200.000.000 VND lên 180.000.000 VND. Vào ngày 3 tháng 11 năm 2023, Công ty đã chuyển nhượng 0,002% tỷ lệ sở hữu trong VTH, cho MPT và VNGS, là các công ty con khác của Công ty, với tổng giá trị chuyển nhượng là 20.000.000 VND.

Vào ngày 23 tháng 10 năm 2023, Công ty và VTH đã ký kết Hợp đồng Đăng ký Mua Cổ phiếu với một nhà đầu tư chiến lược để chào bán 33.428.572 cổ phần được phát hành thêm bởi VTH, với giá trị giao dịch được quy định trong hợp đồng. Sau khi hoàn thành giao dịch này, nhà đầu tư chiến lược sẽ sở hữu 65% tỷ lệ sở hữu tại VTH và Công ty sẽ giảm tỷ lệ sở hữu trong VTH xuống còn 35%. Tại ngày của báo cáo tài chính riêng này, giao dịch vẫn chưa hoàn tất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.2 Đầu tư vào công ty liên kết

Tên công ty	Số cuối năm		Số đầu năm		Địa điểm	Ngành nghề kinh doanh chính
	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư (VND)		
Telio (i)	16,55	515.273.409.170	16,70	515.273.409.170	Singapore	Công ty đầu tư
Funding Asia (ii)	3,8	398.648.069.622	5,11	512.549.703.860	Singapore	Vận hành và quản lý nền tảng tài chính số
Ecotruck (iii)	25,29	143.509.456.217	25,00	131.659.349.655	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Sản xuất phần mềm và hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải
DayOne	27,27	138.120.000.000	27,27	138.120.000.000	Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Thương mại điện tử

TỔNG CỘNG **1.195.550.935.009** **1.297.602.462.685**

Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (351.873.165.898) (144.928.064.447)

GIÁ TRỊ THUẬN **843.677.769.111** **1.152.674.398.238**

(i) Vào ngày 6 tháng 10 năm 2023, Telio đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn, tuy nhiên Công ty không tham gia. Theo đó, phần vốn chủ sở hữu của Công ty đối với Telio bị pha loãng còn 16,55%.

(ii) Vào ngày 15 tháng 5 năm 2023, Funding Asia đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia bị pha loãng còn 4,88%. Trong năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc thanh lý một phần vốn đầu tư trong Funding Asia cho VNG Singapore, một công ty con khác của Công ty, với giá trị là 113.901.634.238 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Funding Asia giảm còn 3,8%.

(iii) Vào ngày 30 tháng 8 năm 2023, Công ty đã hoàn tất việc mua 1,86% tỷ lệ sở hữu trong Ecotruck, theo đó tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Ecotruck tăng từ 25% lên 26,86%. Trong năm 2023, Ecotruck đã hoàn tất phát hành thêm công cụ tài chính cho các nhà đầu tư nhằm tăng vốn. Tuy nhiên, Công ty không tham gia quá trình này. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty đối với Ecotruck bị pha loãng còn 25,29%.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

13.3 Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn

Chi tiết các khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Số đầu năm	2.812.703.016.715	1.540.806.270.170
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	842.191.494.579	1.271.896.746.545
Less: Hoàn nhập dự phòng trong năm	<u>(5.368.922.775)</u>	<u>-</u>
Số cuối năm	<u>3.649.525.588.519</u>	<u>2.812.703.016.715</u>

13.4 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại với kỳ hạn còn lại trên mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 5%/năm.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	155.590.220.746	271.573.944.753
Seasun Games Corporation Limited	38.923.642.380	98.729.387.080
Google Asia Pacific Pte. Ltd.	22.528.511.828	20.282.686.423
Meta Platforms Ireland Limited	10.801.944.283	16.791.530.958
Công ty Cổ phần Truyền thông 500Bros Toàn cầu	4.638.596.000	629.694.000
Tiktok Pte. Ltd.	4.553.485.262	3.106.962.256
Phải trả người bán khác	74.144.040.993	132.033.684.036
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 30)	412.927.649.614	1.225.872.682.820
TỔNG CỘNG	568.517.870.360	1.497.446.627.573

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng từ bên thứ ba	30.289.132.286	1.093.089.905
Tạm ứng từ bên liên quan (Thuyết minh số 30)	<u>-</u>	<u>92.665.739.353</u>
TỔNG CỘNG	30.289.132.286	93.758.829.258

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

16. THUẾ

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.537.426.412)	3.003.741	-	(15.534.422.671)
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	31.712.513.401	364.540.268.542	(371.865.410.034)	24.387.371.909
Thuế nhà thầu nước ngoài	9.917.115.239	236.573.768.541	(238.920.971.648)	7.569.912.132
Thuế thu nhập cá nhân	7.449.558.363	142.954.042.522	(144.282.885.129)	6.120.715.756
Khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
TỔNG CỘNG	49.079.187.003	744.072.079.605	(755.073.266.811)	38.077.999.797

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền phần mềm	661.604.737.055	199.447.479.690
Chi phí lương	203.655.477.006	233.779.880.228
Chi phí quảng cáo	19.838.196.597	29.390.172.370
Chi phí phải trả khác	60.325.321.290	71.153.641.328
TỔNG CỘNG	945.423.731.948	533.771.173.616
<i>Trong đó:</i>		
<i>Chi phí phải trả cho đối tượng khác</i>	<i>527.447.216.116</i>	<i>409.930.007.322</i>
<i>Chi phí phải trả cho bên liên quan (Thuyết minh số 30)</i>	<i>417.976.515.832</i>	<i>123.841.166.294</i>

18. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

Doanh thu chưa thực hiện thể hiện tiền nhận trước từ khách hàng để thực hiện các dịch vụ trò chơi trực tuyến và quảng cáo.

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	1.086.949.025.152	14.874.652.397
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	1.051.823.701.151	-
Dịch vụ quảng cáo	35.125.324.001	14.874.652.397
Dài hạn	66.951.008.607	-
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	66.834.490.652	-
Dịch vụ quảng cáo	116.517.955	-
TỔNG CỘNG	1.153.900.033.759	14.874.652.397

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. PHẢI TRẢ KHÁC

	VND	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngắn hạn	45.191.376.040	128.572.888.764
Thuế nhà thầu nước ngoài	22.774.338.680	34.498.041.052
Đặt cọc mua cổ phần	17.849.830.000	2.909.660.000
Kinh phí công đoàn	2.815.543.551	7.615.787.531
Khác	1.751.663.809	83.549.400.181
Dài hạn – Nhận đặt cọc	<u>558.379.674</u>	<u>499.355.674</u>
TỔNG CỘNG	<u>45.749.755.714</u>	<u>129.072.244.438</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả cho bên khác</i>	<i>45.497.035.714</i>	<i>127.789.156.448</i>
<i>Phải trả khác cho bên liên quan</i> <i>(Thuyết minh số 30)</i>	<i>252.720.000</i>	<i>1.283.087.990</i>

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn (*)	-	1.214.939.631.925	(496.458.925.715)	718.480.706.210

VND

(*) Chi tiết khoản vay ngắn hạn tại các ngân hàng thương mại để thanh toán cho nhà cung cấp được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất %/năm	Tài sản đảm bảo
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	718.480.706.210	từ ngày 8 tháng 1 năm 2024 đến ngày 24 tháng 6 năm 2024	6,0 - 7,3	Quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất thuộc Thừa đất Số 24, Tờ Bản đồ Số 31 (theo tài liệu đo đạc năm 2023), tọa lạc tại Lô Z.03b-04 và Lô Z.05-06-07, Khu Chế xuất Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh.
				40.000.000 cổ phần phổ thông thuộc sở hữu của Công ty trong VinaData

21. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN

Dự phòng phải trả dài hạn thể hiện khoản trợ cấp thôi việc phải trả được trích lập theo Điều 46 của Bộ luật Lao động như được đề cập trong *Thuyết minh số 3.11*.

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU

22.1 Tình hình tăng, giảm vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước:					VND
Số đầu năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.628.117.477.641	2.855.439.216.834
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(145.640.972.242)	(145.640.972.242)
Số cuối năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399	2.709.798.244.592
Năm nay:					
Số đầu năm	358.442.620.000	1.133.299.050.771	(1.264.419.931.578)	2.482.476.505.399	2.709.798.244.592
Hủy cổ phiếu quỹ (*)	(71.082.620.000)	(1.193.337.311.578)	1.264.419.931.578	-	-
Lỗ thuần trong năm	-	-	-	(341.341.410.151)	(341.341.410.151)
Số cuối năm	287.360.000.000	(60.038.260.807)	-	2.141.135.095.248	2.368.456.834.441

(*) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 7 tháng 7 năm 2023, các cổ đông của Công ty đã phê duyệt phương án hủy số cổ phần của Công ty tương ứng với tổng mệnh giá của 7.108.262 cổ phiếu quỹ mà Công ty đã mua lại trước đây. Vào ngày 13 tháng 7 năm 2023, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp GCNĐKDĐN điều chỉnh lần thứ 42, và vào ngày 18 tháng 8 năm 2023, Công ty cũng đã nhận được Công văn Số 865/QĐ-SGDHN của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội chấp thuận cho việc thay đổi vốn nói trên. Theo đó, vốn cổ phần của Công ty giảm từ 358.442.620.000 VND xuống 287.360.000.000 VND tại ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

22.2 Cổ phiếu

	Số cuối năm Cổ phiếu	Số đầu năm Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	28.736.000	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	35.844.262
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	28.736.000	28.736.000
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	7.108.262

Cổ phiếu của Công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 10.000 VND/cổ phiếu). Các cổ đông nắm giữ cổ phiếu phổ thông của Công ty được quyền hưởng cổ tức do Công ty công bố. Mỗi cổ phiếu phổ thông thể hiện một quyền biểu quyết không hạn chế.

22.3 Các giao dịch về vốn với cổ đông

	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Vốn cổ phần đã góp			
Số đầu năm	358.442.620.000	358.442.620.000	
Vốn góp giảm trong năm	(71.082.620.000)	-	
Số cuối năm	<u>287.360.000.000</u>	<u>358.442.620.000</u>	

23. DOANH THU

23.1 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay	Năm trước	VND
Dịch vụ trò chơi trực tuyến	3.408.953.102.175	3.702.062.031.129	
Dịch vụ quảng cáo trực tuyến	583.641.940.370	886.007.647.588	
Dịch vụ thông báo zalo	133.813.124.454	48.226.007.941	
Dịch vụ cho thuê	43.009.090.908	63.129.090.900	
Dịch vụ nhạc chờ và bản quyền bài hát	33.886.392.093	28.883.739.388	
Khác	39.702.591.620	168.383.194.817	
TỔNG CỘNG	<u>4.243.006.241.620</u>	<u>4.896.691.711.763</u>	
<i>Trong đó:</i>			
<i>Doanh thu đối với bên khác</i>	<i>3.340.117.800.564</i>	<i>4.344.001.016.550</i>	
<i>Doanh thu đối với bên liên quan</i>	<i>902.888.441.056</i>	<i>552.690.695.213</i>	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. DOANH THU (tiếp theo)

23.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức và lợi nhuận được chia	1.476.014.470.000	1.287.285.000.000
Lãi tiền gửi ngân hàng	20.588.486.234	7.842.643.616
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	16.154.802.927	12.778.737.469
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	3.382.986.880
TỔNG CỘNG	<u>1.512.757.759.161</u>	<u>1.311.289.367.965</u>

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Phí bản quyền phần mềm	1.595.237.033.528	1.291.741.478.090
Chi phí dịch vụ mua ngoài	844.390.914.211	757.259.450.928
Chi phí nhân viên	717.797.738.006	653.585.508.170
Chi phí khấu hao và hao mòn	77.839.083.079	72.051.432.956
Công cụ, dụng cụ	213.744.748	108.428.470
Chi phí khác	18.084.443.779	23.862.795.483
TỔNG CỘNG	<u>3.253.562.957.351</u>	<u>2.798.609.094.097</u>

25. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng suy giảm giá trị khoản đầu tư tài chính dài hạn	836.822.571.804	1.271.896.746.545
Chi phí lãi vay	24.134.970.891	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá	2.081.303.131	12.780.716.723
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	1.300.300.015	-
Lỗ từ hoạt động đầu tư	-	2.981.450.694
TỔNG CỘNG	<u>864.339.145.841</u>	<u>1.287.658.913.962</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng	935.803.583.052	1.189.121.479.858
Chi phí dịch vụ mua ngoài	850.547.331.558	899.713.587.415
Chi phí nhân viên	68.596.249.319	278.772.911.623
Chi phí khác	16.660.002.175	10.634.980.820
Chi phí quản lý doanh nghiệp	1.029.199.314.586	1.060.308.437.600
Chi phí nhân viên	521.112.411.412	537.432.990.200
Chi phí dịch vụ mua ngoài	363.943.529.844	345.963.471.996
Chi phí khấu hao và hao mòn	65.890.388.310	83.844.007.870
Công cụ, dụng cụ	59.365.992.573	74.535.097.763
Chi phí khác	18.886.992.447	18.532.869.771
TỔNG CỘNG	<u>1.965.002.897.638</u>	<u>2.249.429.917.458</u>

27. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	2.998.696.987	3.825.834.826
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	286.479.874	1.349.097.119
Thu nhập khác	2.712.217.113	2.476.737.707
Chi phí khác	(17.196.103.348)	(12.052.910.255)
Chi phí xóa sổ tài sản	(7.353.064.260)	(9.628.802.372)
Chi phí khác	(9.843.039.088)	(2.424.107.883)
LỖ THUẬN KHÁC	<u>(14.197.406.361)</u>	<u>(8.227.075.429)</u>

28. CHI PHÍ KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.058.881.775.613	2.002.936.510.339
Phí bản quyền phần mềm	1.595.237.033.528	1.291.741.478.090
Chi phí nhân viên	1.307.506.398.737	1.469.791.409.993
Chi phí khấu hao và hao mòn (Thuyết minh số 10 và 11)	143.729.471.389	155.895.440.826
Công cụ, dụng cụ	59.579.737.321	74.643.526.233
Chi phí khác	53.631.438.401	53.030.646.074
TỔNG CỘNG	<u>5.218.565.854.989</u>	<u>5.048.039.011.555</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) của Công ty là 20% trên thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

29.1 Chi phí thuế TNDN

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	3.003.741	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	-	9.697.051.024
TỔNG CỘNG	3.003.741	9.697.051.024

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của tổng lỗ kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lỗ kế toán trước thuế	(341.338.406.410)	(135.943.921.218)
Thuế TNDN theo thuế suất 20% áp dụng cho Công ty	(68.267.681.282)	(27.188.784.244)
<i>Các khoản điều chỉnh:</i>		
Cổ tức và lợi nhuận được chia	(295.202.894.000)	(257.457.000.000)
Chi phí không được trừ	69.682.566.298	24.786.937.920
Lỗ thuế chuyển sang các năm sau và các chênh lệch tạm thời chưa ghi nhận thuế hoãn lại	293.788.008.984	269.555.897.348
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu trong những năm trước	3.003.741	-
Chi phí thuế TNDN	3.003.741	9.697.051.024

29.2 Thuế TNDN hiện hành

Lỗ tính thuế của Công ty khác với lỗ được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vì lỗ tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.3 Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm nay và năm trước như sau:

	VND			
	<i>Bảng cân đối kế toán riêng</i>		<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng</i>	
	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
Chi phí phải trả	-	-	-	2.931.185.343
Dự phòng tổn thất tài sản	-	-	-	4.249.050.761
Dự phòng trợ cấp thôi việc	-	-	-	1.960.713.102
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-	-	276.836.851
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	-	-	-	274.968.246
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	-	-	4.296.721
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-		
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			-	9.697.051.024

29.4 Lỗi chuyển sang các năm sau

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 5 năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các khoản lỗ lũy kế với tổng giá trị là 1.959.900.439.281 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.582.156.486.036 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	VND	
			<i>Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>
2021	2026	254.223.078.671	-	254.223.078.671
2022	2027	1.327.933.407.365	-	1.327.933.407.365
2023	2028	377.743.953.245	-	377.743.953.245
TỔNG CỘNG		1.959.900.439.281	-	1.959.900.439.281

(*) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính riêng này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

29. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

29.5 Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với các khoản mục sau do chưa ước tính được chắc chắn thu nhập chịu thuế trong tương lai:

Chênh lệch tạm thời

	VND
	Ngày 31 tháng 12 năm 2023
Lỗi thuế chuyển sang năm sau	1.959.900.439.281
Các chênh lệch tạm thời, trong đó:	
<i>Doanh thu chưa thực hiện liên quan trò chơi trực tuyến</i>	1.115.111.412.208
<i>Chi phí dự phòng liên quan trò chơi trực tuyến</i>	7.756.994.977
<i>Dự phòng trợ cấp thôi việc</i>	6.449.034.607
<i>Chi phí phải trả</i>	3.579.000.859
<i>Dự phòng nợ phải thu khó đòi</i>	1.995.144.589
<i>Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	824.753.322
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái từ đánh giá lại các khoản</i>	9.597.282
<i>mục tiền tệ có gốc ngoại tệ</i>	<u>(35.949.285.438)</u>
<i>Chi phí kênh phân phối</i>	<u>3.059.677.091.687</u>
TỔNG CỘNG	

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm và không có lãi suất.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty. Việc đánh giá này được thực hiện mỗi kỳ kế toán thông qua việc kiểm tra tình hình tài chính của bên liên quan và thị trường mà bên liên quan đó hoạt động.

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
A4B	Công ty con
Adtima	Công ty con
DMF	Công ty con
EPI	Công ty con
Fiza	Công ty con
Greennode Pte. Ltd.	Công ty con
Greennode Vietnam	Công ty con
Instpay AU	Công ty con
Instpay HK	Công ty con
Instpay Holco	Công ty con
Instpay SG	Công ty con
Instpay UK	Công ty con
Instpay VN	Công ty con
KMZ	Công ty con
Mixus	Công ty con
MLT HK	Công ty con
MPT	Công ty con



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Danh sách các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Thanh Sơn	Công ty con
Verichains	Công ty con
Verichains SG	Công ty con
VinaData	Công ty con
Vinanet	Công ty con
VNG DC	Công ty con
VNG Games	Công ty con
VNG Investment	Công ty con
VNG Myanmar	Công ty con
VNG Online	Công ty con
VNG Singapore	Công ty con
VNG Solutions	Công ty con
VNGS	Công ty con
VTH	Công ty con
XFM	Công ty con
YoPlatform	Công ty con
Zie	Công ty con
Zion	Công ty con
ZPI	Công ty con
ZPS	Công ty con
Beijing Youtu	Công ty liên kết
Cloudverse	Công ty liên kết
Day One	Công ty liên kết
Ecotruck	Công ty liên kết
Funding Asia	Công ty liên kết
OCG	Công ty liên kết
Rocketeer	Công ty liên kết
Telio	Công ty liên kết
Tiki Global	Công ty liên kết
Dorocat Games Co., Ltd ("Dorocat")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Ti Ki ("Tiki")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Tikinow Smart Logistics ("Tikinow")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Telio Việt Nam ("Telio Vietnam")	Công ty con của công ty liên kết
Công ty TNHH Got It ("Got It")	Công ty con của công ty liên kết
Tencent Technology (Shenzhen) Company Limited ("Tencent Shenzhen")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Technology (Shanghai) Co. Ltd ("Tencent Shanghai")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Tencent Mobile International Ltd. ("Tencent Mobile")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Proxima Beta Pte. Limited ("Proxima")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Riot Games Services Pte Ltd. ("Riot Games Services")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
Aceville Pte. Ltd. ("Aceville")	Bên liên quan với các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Tập đoàn
VNG Limited	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Công ty Cổ phần Công nghệ BigV ("BigV")	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt
Ông Wong Kelly Yin Hon	Phó Tổng Giám đốc VNG, Tổng Giám đốc VNG Games
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát	

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
VNGS	Công ty con	Lợi nhuận được chia Phí bản quyền phần mềm Chi phí sử dụng phần mềm Doanh thu cho thuê Mua hàng dịch vụ Chuyển nhượng đầu tư	714.000.000.000 167.065.331.070 120.846.055.503 18.829.090.908 720.568.493 10.000.000	808.285.000.000 96.055.531.938 115.530.535.314 18.829.090.908 954.378.387 -
Zion	Công ty con	Góp vốn Sử dụng dịch vụ Doanh thu cho thuê Doanh thu qua ZaloPay Cung cấp dịch vụ	401.800.003.500 43.132.143.803 24.000.000.000 1.648.908.333 50.000.000	1.081.606.267.050 32.470.721.545 44.209.999.992 - 7.407.393.960
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước Cung cấp dịch vụ	1.160.366.179.558 531.790.100	992.127.408.985 -
Adtima	Công ty con	Doanh thu phân chia Sử dụng dịch vụ quảng cáo	486.493.666.882 508.470.100	777.233.211.440 1.634.064.288
EPI	Công ty con	Lợi nhuận được chia Sử dụng dịch vụ quảng cáo	488.014.470.000 76.357.413.612	302.000.000.000 119.725.123.507
Telio	Công ty liên kết	Góp vốn	471.643.963	515.273.409.170
Funding Asia	Công ty liên kết	Thu hồi khoản đặt cọc Góp vốn	113.901.634.238 -	- 512.549.703.860
XFM	Công ty con	Mua dịch vụ quảng cáo	2.695.190.776	-
VNG Solutions	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	430.948.987	-

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm nay và năm trước như sau (tiếp theo):

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
MPT	Công ty con	Doanh thu phân chia Chuyển nhượng đầu tư	217.996.641.610 10.000.000	353.280.382.292
VinaData	Công ty con	Góp vốn Thuê chỗ đặt máy chủ và thuê cước đường truyền Cung cấp dịch vụ	711.000.000.000 401.950.902.840 3.018.408.600	- 336.938.200.820
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm Doanh thu dịch vụ quảng cáo Mua hàng dịch vụ	366.488.663.342 13.570.713.042 1.282.087.530	332.269.310.012 1.321.399.394
ZPS	Công ty con	Doanh thu phân chia Lợi nhuận được chia	268.147.393.843 240.000.000.000	181.974.950.999
VNG Online	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo Lợi nhuận được chia	38.340.846.227 30.000.000.000	115.560.737.315 50.000.000.000
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm Doanh thu dịch vụ quảng cáo Doanh thu phân chia	390.405.155.838 30.932.551.426 5.965.142.985	162.029.011.817 4.331.009.312
Zie	Công ty con	Lợi nhuận được chia Doanh thu phân chia	4.000.000.000 13.132.607.838	127.000.000.000 3.602.650.340
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	44.842.561.759	48.126.662.468
Ecotruck	Công ty liên kết	Góp vốn	11.850.106.562	46.799.918.402
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	60.673.402.895	39.506.134.445

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những nghiệp vụ trọng yếu của Công ty với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
				VND
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ Thuê server và cước dịch vụ đường truyền	8.937.932.020 14.120.131.202	24.597.711.018 -
Tencent Mobile	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	-	20.052.515.071
A4B	Công ty con	Góp vốn	-	15.001.000.000
Verichains	Công ty con	Góp vốn	-	10.000.000.000
Mixus	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	-	2.000.000.000
Vinanet	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	13.636.363.635 1.737.763.010	10.000.000.001 -
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Doanh thu nhạc chờ và bản quyền bài hát	180.000.000	-
Tiki	Công ty con của công ty liên kết	Doanh thu cho thuê Sử dụng dịch vụ tổ chức sự kiện	170.563.525	6.605.576.112
DayOne	Công ty liên kết	Phí bản quyền phần mềm	77.280	1.416.257.059
VTH	Công ty con	Doanh thu dịch vụ quảng cáo	1.727.342	1.336.079.009
DMF	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	976.160.000	205.294.000
BigV	Bên liên quan do có cùng thành viên quản lý chủ chốt	Góp vốn	179.780.000.000	200.000.000
		Chi phí hoạt động từ thiện	7.800.000.000	-
		Hoàn đặt cọc mua cổ phần	80.000.000.000	-

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6.1)					
Zion	Công ty con	Thu hộ Chi phí thuế	98.292.304.000 2.227.000.000	193.193.640.700 8.159.166.666	
Thanh Sơn	Công ty con	Bán thẻ trò chơi trả trước	28.293.300.000	113.940.375.000	
Fiza	Công ty con	Doanh thu phân chia	14.049.807.805	5.810.365.979	
Adtima	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	22.675.402.397	89.704.041	
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ	24.356.779.901	-	
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ quảng cáo	5.753.530.601	-	
Mixus	Công ty con	Doanh thu quảng cáo phân chia	913.271.722	-	
VNG Solutions	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	430.948.987	-	
DayOne	Công ty liên kết	Cung cấp dịch vụ	11.599.600	-	
Vinanet	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	16.500.000	16.500.000	
VinaData	Công ty con	Cung cấp dịch vụ	-	8.678.934	
Tencent Mobile	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Cung cấp dịch vụ	-	5.371.458.970	
TỔNG CỘNG			197.020.445.013	326.589.890.290	

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 6.2)					
Thanh Sơn	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	345.956.200	-	-
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	50.000	-	-
VinaData	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	-	288.392.241.568	-
TỔNG CỘNG			346.006.200	288.392.241.568	
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 7)					
Zion	Công ty con	Chi hộ	1.755.973.360	351.309.799	-
VTH	Công ty con	Tạm ứng vốn góp	492.639.098.400	-	-
VNG Singapore	Công ty con	Chi hộ	3.500.000.000	97.243.297.110	-
Adtima	Công ty con	Chi hộ	882.763.044	1.252.556.162	-
Các công ty khác	Công ty con	Chi hộ	166.964.398	-	-
TỔNG CỘNG			499.672.278.017	509.704.129	99.356.867.200

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 14)					
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	110.514.977.073	73.063.533.861	
VinaData	Công ty con	Chi phí cước đường truyền	80.484.228.116	-	
VNGS	Công ty con	Phí bản quyền phần mềm	65.040.874.406	227.583.182.457	
MPT	Công ty con	Thu hộ	43.202.394.030	340.843.460.173	
ZPS	Công ty con	Thu hộ	39.385.181.333	233.963.354.315	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	23.974.869.718	7.568.929.644	
VNG Singapore	Công ty con	Thu hộ	20.934.667.259	20.935.620.861	
EPI	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	8.541.252.809	107.770.729.007	
Zion	Công ty con	Sử dụng dịch vụ hỗ trợ thanh toán	8.303.174.802	6.209.263.490	
Aceville	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Sử dụng dịch vụ	5.149.920.311	10.070.243.997	
Zie	Công ty con	Thu hộ	3.893.485.785	3.688.627.701	
XFM	Công ty con	Sử dụng dịch vụ	2.273.429.112	-	
VNG Online	Công ty con	Sử dụng dịch vụ quảng cáo	600.000.000	99.080.380.059	
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	-	88.467.684.777	
Các công ty khác		Sử dụng dịch vụ	629.194.860	6.627.672.478	
TỔNG CỘNG			412.927.649.614	1.225.872.682.820	

Công ty Cổ phần VNG

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Số dư phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh số 15)					
Adtima	Công ty con	Doanh thu chia sẻ dịch vụ quảng cáo	-	92.665.739.353	
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh số 17)					
Riot	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	240.495.754.676	29.839.520.933	
Proxima	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	127.782.798.405	62.227.711.685	
Tencent Shenzhen	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	44.445.715.430	24.903.199.949	
VinaData Aceville	Công ty con Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Chi phí cước đường truyền Sử dụng dịch vụ	3.148.496.588 1.696.771.332	4.345.899.410 2.496.092.049	
XFM	Công ty con	Doanh thu phân chia	406.979.401	-	
Tencent Shanghai	Bên liên quan của các công ty có ảnh hưởng đáng kể đến Công ty	Phí bản quyền phần mềm	-	28.742.268	
TỔNG CỘNG			417.976.515.832	123.841.166.294	
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 19)					
Long Đình DMF	Công ty con Công ty con	Khác Khác	- -	1.000.000.000 30.367.990	
TỔNG CỘNG			-	1.030.367.990	
Phải trả dài hạn khác (Thuyết minh số 19)					
Thanh Sơn EPI	Công ty con Công ty con	Ký quỹ Ký quỹ	252.720.000 -	252.720.000 -	
TỔNG CỘNG			252.720.000	252.720.000	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

30. CÁC NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát bao gồm lương và các chi phí liên quan như sau:

	VND	
	Năm nay	Năm trước
Thành viên Ban Tổng Giám đốc	18.137.844.052	15.343.196.387
Thành viên Hội đồng Quản trị	4.574.342.000	2.941.200.000
Thành viên Ban Kiểm soát	180.000.000	180.000.000
TỔNG CỘNG	22.892.186.052	18.464.396.387

31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo hợp đồng thuê hoạt động. Các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	21.150.333.828	35.410.392.182
Từ 1 đến 5 năm	4.178.898.270	34.134.655.033
TỔNG CỘNG	25.329.232.098	69.545.047.215

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Công ty có các cam kết liên quan đến việc thi công công trình, mua phôi bản quyền trò chơi, mua sắm máy móc thiết bị và các cam kết khác được thể hiện như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phí bản quyền trò chơi	34.522.287.000	63.695.040.000
Phí bản quyền tối thiểu	12.556.887.000	40.550.040.000
TỔNG CỘNG	47.079.174.000	104.245.080.000

Nghĩa vụ pháp lý

Công ty đang có liên quan đến một nghĩa vụ pháp lý tiềm tàng phát sinh từ một vụ kiện vi phạm bản quyền tại Hoa Kỳ. Yêu cầu khiếu kiện của nguyên đơn đã bị tòa án liên quan bác bỏ vào tháng 11 năm 2019, sau đó đơn kháng cáo đã được nộp lại bởi nguyên đơn vào ngày 22 tháng 12 năm 2019. Vào ngày 21 tháng 7 năm 2022, một hội đồng gồm ba thẩm phán của Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 đã bác bỏ phán quyết của tòa án cấp dưới vì thiếu quyền tài phán và tạm hoãn vụ việc để tiến hành các thủ tục tố tụng tiếp theo. Vào ngày 2 tháng 9 năm 2022, Công ty đã đệ đơn lên Tòa Phúc thẩm Liên bang Hoa Kỳ Khu vực 9 để yêu cầu thực thi quyền tài phán, nhưng đã bị từ chối vào ngày 23 tháng 11 năm 2022. Đơn yêu cầu của Công ty đã bị Tòa án Tối cao từ chối vào ngày 30 tháng 5 năm 2023. Hiện tại, công ty đang tiến hành các thủ tục tố tụng tại Tòa Sơ thẩm.

Ở thời điểm hiện tại, Công ty đánh giá rằng sẽ không có khả năng Công ty phải sử dụng một số tiền lớn hoặc các tài sản khác có thể phát sinh từ kết quả không tích cực của các thủ tục tố tụng trong tương lai. Thêm vào đó, Công ty không kỳ vọng rằng giải pháp cuối cùng của bất kỳ thủ tục tố tụng nào sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình tài chính riêng và lưu chuyển tiền tệ riêng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

31. CÁC CAM KẾT VÀ NGHĨA VỤ TIỀM TÀNG (tiếp theo)

Các cam kết và nghĩa vụ khác

- (i) Trong năm 2022, Công ty đã thành lập một pháp nhân, VNG Limited, để làm phương tiện niêm yết. Theo các điều khoản của thỏa thuận đăng ký, khoản cam kết của Công ty với số tiền là 24 triệu đô la Mỹ được thừa nhận là phụ thuộc vào đợt phát hành lần đầu ra công chúng ("IPO") của VNG Limited. Nếu đợt IPO không diễn ra vào một ngày cụ thể, Công ty sẽ không được coi là đã vi phạm nghĩa vụ tài trợ số tiền đã cam kết theo yêu cầu. Tổng số tiền cam kết dự kiến sẽ được gọi trong hơn 5 năm kể từ ngày ký thỏa thuận đăng ký. Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có ý định gia hạn hợp đồng. Nếu không đạt được thỏa thuận đối tác thích hợp vào một ngày cụ thể (tức là trong vòng sáu (6) tháng sau Ngày khóa sổ), thì Công ty có thể chấm dứt hợp đồng đăng ký mà không phải chịu khoản phạt nào.
- (ii) Tại ngày lập báo cáo tài chính riêng này, Công ty có một cam kết sẽ bồi thường và/hoặc không gây thiệt hại cho một số đối tác liên quan đến các tổn thất, thiệt hại và chi phí mà các đối tác này thực sự gánh chịu hoặc phát sinh liên quan đến các sự kiện đã thỏa thuận trước.
- (iii) Trong năm 2022, Công ty có ký kết một Hợp đồng Mua bán với một cổ đông của Zion, nhằm mục đích mua lại phần tỷ lệ sở hữu còn lại của cổ đông này tại Zion, phụ thuộc vào các điều kiện hoàn tất được quy định. Công ty cũng có Thư cam kết với cổ đông này, rằng trong trường hợp các điều kiện hoàn tất không được đáp ứng, bao gồm nhưng không giới hạn đối với việc chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng của VNG Limited không được diễn ra trước một thời điểm cụ thể, một Thỏa thuận Mua bán mới sẽ được ký kết, thông qua thỏa thuận hoán đổi cổ phiếu hoặc cổ đông không kiểm soát này, trong trường hợp các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của cả hai bên, sẽ tiếp tục nắm giữ cổ phần trong Zion. Vào ngày của báo cáo tài chính riêng này, các bên đồng ý rằng các điều kiện hoàn tất đã được đáp ứng hoặc được miễn bỏ.

32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc của Công ty đã quyết định không hạch toán nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu trên báo tài chính riêng cho đến khi quyền mua được thực hiện mà chỉ trình bày các thông tin liên quan đến các nghiệp vụ này trong thuyết minh bên dưới do chưa có hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành. Chi tiết các nghiệp vụ chi trả bằng cổ phiếu như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần II (“ESOP II”)

Công ty có ESOP II, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 20.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 3.551.232 và được cấp đến hết năm 2018.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 5 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên. Các quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015 được thực hiện trong vòng 3-4 năm kể từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 20% tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Đối với quyền mua được cấp sau ngày 28 tháng 5 năm 2015, tỷ lệ này là 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua.

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

- (i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.
- (ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP II đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	20.000	-	20.000	42.500
Thực hiện quyền mua trong năm	20.000	-	20.000	(42.500)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		-		-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

32. NGHIỆP VỤ CHI TRẢ BẰNG CỔ PHIẾU (tiếp theo)

Chương trình cổ phiếu cho nhân viên lần III (“ESOP III”)

Công ty có ESOP III, cho phép nhân viên có quyền mua cổ phiếu với giá 30.000 VND/cổ phiếu. Theo đó, tổng số quyền mua cổ phiếu là 2.921.832 và được cấp từ tháng 7 năm 2018 đến hết năm 2023.

1. Kế hoạch thực hiện

Quyền mua đến hạn thực hiện hàng năm trong vòng 3 hoặc 4 năm, tính từ ngày cấp đầu tiên.

2. Các điều khoản

(i) Với mỗi 12 tháng kể từ ngày cấp quyền, nhân viên được phép thực hiện 33,33% (hoặc 25% trong trường hợp đặc biệt) tổng số quyền mua cổ phần được cấp (làm tròn xuống đến hàng đơn vị). Nhân viên bắt đầu được thực hiện quyền mua cổ phần sau khi kết thúc 12 tháng kể từ ngày được cấp quyền mua..

(ii) Quyền mua cổ phần được thực hiện mỗi năm hai đợt từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 1 và từ ngày 1 tháng 7 đến ngày 30 tháng 7 hàng năm. Quyền mua cổ phần đã phát sinh trong một năm chỉ được thực hiện trong đợt thực hiện quyền tương ứng của năm đó. Quá thời hạn trên, toàn bộ quyền mua cổ phần chưa được thực hiện sẽ bị hủy bỏ.

3. Điều kiện

(i) Quyền chọn mua sẽ bị hủy bỏ nếu điều kiện đã cam kết không đạt được.

(ii) Chính sách này sẽ được thay đổi tùy từng thời điểm phụ thuộc vào quyết định của Công ty.

Biến động của số lượng quyền mua ESOP III đã cấp và giá thực hiện trong năm được trình bày như sau:

	Năm nay		Năm trước	
	Giá (VND)	Số lượng quyền mua	Giá (VND)	Số lượng quyền mua
Số dư tại ngày 1 tháng 1	30.000	753.876	30.000	704.887
Cấp trong năm	30.000	685.834	30.000	389.680
Mất quyền mua trong năm	30.000	(51.967)	30.000	(36.204)
Thực hiện quyền mua trong năm	30.000	(498.039)	30.000	(304.487)
Số dư tại ngày 31 tháng 12		<u>889.704</u>		<u>753.876</u>

33. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Ngoại tệ:</i>		
- USD	490.158	1.424.216
- INR	330	330
- CNY	-	9.472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

34. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Trong tháng 1, tháng 2 và tháng 3 năm 2024, Công ty đã hoàn tất việc mua thêm cổ phiếu phát hành mới từ Zion với tổng giá trị là 190.000.000.000 VND. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Công ty trong Zion tăng từ 72,654% lên 73,758%.

Ngoài sự kiện nêu trên, không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Hoàng Thị Huệ
Người lập



Lê Trung Tín
Kế toán trưởng



Lê Hồng Minh
Tổng Giám đốc



Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 10 tháng 5 năm 2024



Số: 0466/2024/CV-VNG

V/v giải trình số liệu lỗ sau thuế TNDN trên
BCTC riêng năm 2023 đã được kiểm toán so với
so với BCTC năm trước

Tp. HCM, ngày 10 tháng 5 năm 2024

Kính gửi: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước
- Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội

- Tên tổ chức niêm yết: Công ty Cổ phần VNG (“VNG”/ “Công ty”)
- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần VNG
- Mã chứng khoán: VNZ
- Trụ sở chính: Z06 Đường số 13, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, TP. Hồ Chí Minh.
- Nội dung:

Công ty xin được giải trình về việc chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trước và sau khi kiểm toán trên Báo cáo tài chính riêng (“BCTC”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023; giải trình chênh lệch lỗ sau thuế TNDN trên BCTC năm 2023 đã được kiểm toán so với năm trước và giải trình lỗ sau thuế TNDN năm nay, chi tiết như sau:

VND

Chỉ tiêu	BCTC riêng năm 2023	
	Sau kiểm toán	Trước kiểm toán
(Lỗ) lợi nhuận sau thuế TNDN	(341.341.410.151)	1.028.144.122.266

Chỉ tiêu	BCTC riêng đã được kiểm toán	
	Năm nay	Năm trước
Lỗ sau thuế TNDN	(341.341.410.151)	(145.640.972.242)

Nguyên nhân:

- Công ty thay đổi chính sách kế toán trong năm 2023 liên quan đến việc ghi nhận doanh thu trò chơi trực tuyến, trên cơ sở hệ thống đã cho phép theo dõi và ghi nhận số liệu người chơi một cách chi tiết. Theo đó, Công ty thực hiện việc ghi nhận Doanh thu chưa thực hiện cho phần nghĩa vụ chưa hoàn thành đối với người chơi. Việc thay đổi trong chính sách kế toán này được áp dụng từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 trên cơ sở phi hồi tố. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo tài chính riêng là không so sánh được với dữ liệu của kỳ kế toán năm hiện tại do ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán trên cơ sở phi hồi tố nêu trên.

Đây là nguyên nhân chủ yếu khiến doanh thu năm nay giảm so với năm trước và lỗ sau thuế TNDN trên báo cáo tài chính riêng năm nay tăng so với năm trước, đồng thời dẫn tới lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm



báo cáo bị lỗ; doanh thu sau kiểm toán thấp hơn trước kiểm toán cũng như lợi nhuận sau thuế TNDN chuyển từ lãi sang lỗ sau kiểm toán.

Công ty Cổ phần VNG giải trình đến Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước, Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội và Quý cổ đông được biết.

NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN



Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT.

TRẦN VĂN KHÁNH GIANG

